

Số: 132/BB-QLKH

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 6 năm 2026

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN
CHỌN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

A. Thông tin chung:

1. Tên dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển sản xuất mơ vàng đạt tiêu chuẩn hữu cơ tại tỉnh Thái Nguyên.

2. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh số 259/QĐ-SKHCHN ngày 05/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Phòng họp tầng 2, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian: Từ 15h30 đến 17h00 ngày 15/6/2026 (thứ Hai).

4. Số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số thành viên: 07/07 người.

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	ThS. Hoàng Văn Thiên	Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS Nguyễn Quốc Hùng	Viện trưởng Viện nghiên cứu rau quả, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ủy viên, Phản biện 1
4	TS. Đàm Thế Chiến	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu đất và phân bón vùng Trung du	Ủy viên, Phản biện 2
5	ThS. Dương Sơn Hà	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên
6	TS. Đào Văn Khởi	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực	Ủy viên

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
		vật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
7	KS. Vũ Duy An	Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên

(*Thư ký hành chính: TS. Nguyễn Ngọc Tiến - Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên*)

5. Đại biểu tham dự

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nông Thị Nơi	Sở KH&CN	
2	Nguyễn Văn Dẫn	Sở KH&CN	
3	Triệu Thị Huệ	Sở KH&CN	
4	Hà Duy Trường	Giám đốc Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi	
5	Trần Đình Hà	Giám đốc Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi	
6	Đào Thị Thanh Huyền	Giám đốc Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi	

6. Hội đồng nhất trí cử ông Vũ Duy An là Thư ký khoa học của Hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng:

1. Ông Vũ Duy An - Ủy viên, Thư ký khoa học thông qua Quyết định số 259/QĐ-SKH&CN ngày 05/6/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc, chương trình làm việc.

3. Các uỷ viên phản biện trình bày nhận xét, các uỷ viên hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (*có chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

4. Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản cuộc họp.

C. Bỏ phiếu đánh giá:

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: KS. Vũ Duy An;
- Thành viên: TS. Đào Văn Khởi;
- Thành viên: TS. Đàm Thế Chiến.

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký:

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Biên bản kiểm phiếu và Bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu: 07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình là **81,2 điểm**. Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển chủ trì dự án nêu trên như sau:

Tên tổ chức: Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi.

Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: PGS.TS. Trần Đình Hà.

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

(1) Tên nhiệm vụ: Không thay đổi

(2) Mục tiêu nhiệm vụ:

Rà soát, bổ sung mục tiêu tại thuyết minh của dự án theo đặt hàng của UBND tỉnh (Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2026 (đợt 2)).

(3) Các nội dung chính thực hiện:

Sắp xếp lại các nội dung nghiên cứu, trong đó nội dung nghiên cứu cơ sở lý luận được thực hiện trước các nội dung khác của dự án.

(4) Sản phẩm của nhiệm vụ: Rà soát, hoàn thiện số lượng và các chỉ tiêu đối với sản phẩm khoa học của dự án bám sát đặt hàng của tỉnh.

(5) Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện: Không thay đổi

(6) Phương thức khoán chi:

a) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

b) Khoán chi từng phần ☒

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ:

☒ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kết luận của Hội đồng:

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:

- Tên dự án **Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển sản xuất mơ vàng đạt**

tiêu chuẩn hữu cơ tại tỉnh Thái Nguyên.

- Mã số dự án là: **DA/NN/27/2026.**
- Thời gian thực hiện: 48 tháng (theo đặt hàng).
- Căn cứ kết quả đánh giá, hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển:

+ Tên tổ chức chủ trì: **Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi.**

+ Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: PGS.TS. Trần Đình Hà.

Đề nghị Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tại các phiếu nhận xét và ý kiến phát biểu của thành viên Hội đồng (*tại phụ lục chi tiết kèm theo*), trong đó có các nội dung chính như sau:

- *Thống nhất thời gian thực hiện:* Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án là 48 tháng để bám sát đúng danh mục đặt hàng của tỉnh. Trường hợp đề xuất rút ngắn: Nếu đơn vị chủ trì vẫn đề xuất thời gian thực hiện là 36 tháng cần giải trình, luận giải rõ ràng cơ sở khoa học và tính khả thi trong thực tiễn (liên quan đến chu kỳ sinh trưởng của cây mơ, thời gian chuyển đổi hữu cơ và đánh giá hiệu quả kinh tế...).

- *Nội dung chuyên môn:*

+ Định hướng nghiên cứu và tính mới: Cần xác định rõ đây là "Dự án ứng dụng", do đó cần tập trung nguồn lực vào việc xây dựng mô hình và áp dụng quy trình. Giảm bớt các thí nghiệm đánh giá yếu tố đơn lẻ mang tính chất nghiên cứu cơ bản. Làm rõ tính mới của dự án là đổi mới quy trình tổ chức sản xuất hữu cơ, truy xuất nguồn gốc và liên kết chuỗi giá trị (tránh trùng lặp với các đề tài cũ).

+ Cập nhật cơ sở pháp lý và số liệu:

+ Cập nhật Quyết định số 299/QĐ-TT-CCN ngày 22/8/2023 của Cục Trồng trọt về việc công nhận lưu hành đặc cách giống mơ vàng Bắc Kạn (không đưa nội dung nghiên cứu hoàn thiện giống vào dự án).

+ Bổ sung chi tiết hiện trạng sản xuất mơ vàng tại địa bàn triển khai ở Thái Nguyên (diện tích, năng suất, hiệu quả kinh tế, tập quán canh tác, mức độ phù hợp để chuyển đổi hữu cơ).

+ Bổ sung hồ sơ: Thiết kế và bổ sung mẫu phiếu điều tra thực trạng; lập bảng đối chiếu chi tiết giữa Yêu cầu đặt hàng của tỉnh và Nội dung thuyết minh để Hội đồng dễ đối chiếu.

- *Về sản phẩm mô hình*

+ Định lượng chỉ tiêu: Cần lượng hóa và làm rõ mức chất lượng, năng suất dự kiến đạt được của quả mơ khi sản xuất theo hướng hữu cơ tại quy mô 20 ha.

+ Tiêu chí đánh giá: Bổ sung rõ các chỉ tiêu theo dõi để đánh giá sự thành công của mô hình, đặc biệt nhấn mạnh vào tỷ lệ, phân loại quả sau thu hoạch.

- Về giải pháp kỹ thuật:

+ Điều chỉnh các thí nghiệm; làm rõ phương pháp bố trí thí nghiệm đảm bảo các biện pháp kỹ thuật đi kèm phải đồng nhất.

+ Hoàn thiện Quy trình canh tác hữu cơ (mô hình 20 ha):

+ Làm rõ phương pháp thiết lập vùng đệm/khoanh vùng cách ly.

+ Chi tiết hóa các kỹ thuật: quản lý đất, dinh dưỡng, nước tưới, quản lý cỏ dại, phòng trừ sâu bệnh sinh học, tia cảnh, tạo tán và tia quả.

+ Cam kết và quy định rõ việc sử dụng vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc BVTV sinh học) tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn canh tác hữu cơ.

+ Quy định rõ tiêu chí lựa chọn hộ dân tham gia và lộ trình chuyển đổi chi tiết.

- Về chứng nhận hữu cơ và tiêu thụ sản phẩm:

+ Kiểm soát và chứng nhận: Làm rõ hệ thống kiểm soát nội bộ (ICS), việc ghi chép nhật ký sản xuất. Trình bày rõ kế hoạch cấp chứng nhận (áp dụng theo tiêu chuẩn nào, tổ chức nào chứng nhận, lộ trình thực hiện và phương án duy trì sau khi kết thúc dự án).

+ Thị trường và tiêu thụ: Bổ sung phân tích nhu cầu thị trường, lợi thế cạnh tranh của mơ vàng hữu cơ. Cụ thể hóa phương án liên kết chuỗi giá trị, ký kết hợp đồng/cam kết bao tiêu sản phẩm đầu ra và ứng dụng mã QR để truy xuất nguồn gốc.

- Về kinh phí

+ Tuân thủ hạn mức: Rà soát tổng kinh phí và cơ cấu các nguồn, đặc biệt kinh phí đề nghị Ngân sách nhà nước (NSNN) không vượt quá 2.000 triệu đồng (theo Quyết định số 602/QĐ-UBND).

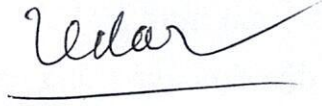
+ Cơ cấu và định mức chi: Rà soát lại toàn bộ định mức chi (vật tư, phân bón hữu cơ vi sinh) đảm bảo đúng quy định pháp luật và tối ưu hóa chi phí. Cắt giảm quy mô chi tiết các hạng mục chưa thực sự cần thiết để đảm bảo không vượt trần kinh phí. Bổ sung các hạng mục bắt buộc còn thiếu: Chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu đất/nước (trước và sau chuyển đổi); chi phí phân tích chất lượng sản phẩm quả; và chi phí thuê tổ chức đánh giá, cấp chứng nhận hữu cơ.

Thực hiện phương thức khoán chi từng phần.

Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề nghị Tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ theo các kết luận nêu trên gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định.

Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh ./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



KS. Vũ Duy An

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
TS. Nguyễn Thị Thuỷ

Phụ lục**Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(Kèm theo Biên bản số 132/BB-QLKH ngày 15/6/2026 của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)

1. ThS. Hoàng Văn Thiên - Chủ tịch Hội đồng

- Tổ chức chủ trì tiếp thu các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, chỉnh sửa, bổ sung lại thuyết minh cho phù hợp.
- Đề nghị cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm dự án làm rõ một số nội dung đã chỉ ra, hoàn thiện thuyết minh đề tài theo các ý kiến góp ý gửi về sở Khoa học và Công nghệ.
- Giao Thư ký Hội đồng, Phòng Quản lý Khoa học đôn đốc đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ tham mưu các bước tiếp theo đúng quy định./.

2. TS. Nguyễn Thị Thủy – Phó Chủ tịch Hội đồng

- Thống nhất thời gian thực hiện nhiệm vụ là 48 tháng theo đúng danh mục đặt hàng; trường hợp đề xuất rút ngắn xuống 36 tháng cần có văn bản giải trình rõ cơ sở khoa học và thực tiễn.
- Rà soát lại tổng kinh phí và cơ cấu kinh phí, đặc biệt phần ngân sách nhà nước, đảm bảo không vượt hạn mức 2.000 triệu đồng theo Quyết định số 602/QĐ-UBND.
- Bổ sung bảng đối chiếu chi tiết giữa yêu cầu đặt hàng và nội dung thuyết minh.
- Cập nhật số liệu thực trạng sản xuất mơ vàng tại địa bàn triển khai (diện tích, năng suất, hiệu quả kinh tế, mức độ phù hợp chuyển đổi hữu cơ).
- Hoàn thiện nội dung kỹ thuật chuyển đổi hữu cơ toàn diện (quản lý đất, dinh dưỡng, nước, cỏ dại, phòng trừ sâu bệnh sinh học, tía canh, tạo tán, tía quả).
- Làm rõ kế hoạch chứng nhận hữu cơ (tiêu chuẩn áp dụng, tổ chức chứng nhận, lộ trình, vùng đệm, phương án duy trì sau dự án).
- Bổ sung phương án liên kết tiêu thụ sản phẩm (cam kết bao tiêu) và cụ thể hóa hệ thống truy xuất nguồn gốc bằng mã QR.

3. PGS.TS Nguyễn Quốc Hùng - Ủy viên phản biện 1

- Bổ sung thông tin chi tiết về hiện trạng sản xuất, hiệu quả kinh tế và tiêu thụ mơ vàng tại Thái Nguyên.

- Điều chỉnh các thí nghiệm: Xem xét thay thế thí nghiệm cắt tỉa bằng thí nghiệm về liều lượng phân bón hữu cơ; thí nghiệm che phủ đất nên bổ sung công thức sử dụng cây họ đậu.

- Làm rõ mức chất lượng và năng suất dự kiến đạt được của quả mơ sản xuất theo hướng hữu cơ.

- Bổ sung vào dự toán kinh phí các hạng mục: phân tích mẫu đất/nước trước và sau chuyển đổi, phân tích chất lượng sản phẩm và chi phí cấp chứng nhận.

4. TS. Đàm Thế Chiến - Ủy viên, Phản biện 2

- Sắp xếp lại các nội dung nghiên cứu cho logic và bám sát mục tiêu. Bổ sung mẫu phiếu điều tra thực trạng.

- Cụ thể hóa mô hình 20 ha: Làm rõ phương pháp đánh giá hiện trạng, khoanh vùng đệm; quy trình quản lý đất, dinh dưỡng, sâu bệnh; hệ thống giám sát nội bộ và ghi chép nhật ký sản xuất. Nêu rõ chỉ tiêu theo dõi (đặc biệt tỷ lệ quả loại 1).

- Đối với các thí nghiệm: Cần làm rõ phương pháp bố trí (số lần nhắc, số cây), các biện pháp kỹ thuật đi kèm phải đồng nhất để đảm bảo độ chính xác. Lượng hóa cụ thể nguyên liệu che phủ ở thí nghiệm 1.

5. ThS. Dương Sơn Hà - Ủy viên

- Yêu cầu quy định rõ việc sử dụng vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) trong mô hình phải tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn canh tác trồng trọt hữu cơ.

- Rà soát lại dự toán chi tiết, đảm bảo định mức chi (đặc biệt là phân bón hữu cơ vi sinh) đúng quy định pháp luật, hợp lý và tối ưu chi phí.

6. TS. Đào Văn Khởi - Ủy viên

- Cập nhật cơ sở pháp lý: Giống mơ vàng Bắc Kạn đã được Cục Trồng trọt công nhận lưu hành đặc cách theo Quyết định số 299/QĐ-TT-CCN ngày 22/8/2023. Tránh nhầm lẫn dự án đang nghiên cứu hoàn thiện giống.

- Điều chỉnh nội dung "tính mới" tập trung vào việc đổi mới quy trình tổ chức sản xuất hữu cơ, truy xuất nguồn gốc và liên kết chuỗi giá trị.

- Bổ sung phân tích nhu cầu thị trường, chuỗi tiêu thụ và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm mơ hữu cơ.

- Làm rõ quy trình kiểm soát nội bộ, kiểm soát sâu bệnh theo hướng hữu cơ, tiêu chí lựa chọn hộ dân tham gia và lộ trình chuyển đổi.

7. KS. Vũ Duy An - Ủy viên, Thư ký khoa học

- Làm rõ tính mới, tránh nghiên cứu trùng lặp với các dự án, đề tài về cây mơ vàng và chăm sóc hữu cơ đã thực hiện trước đây trên địa bàn tỉnh.

- Dự án ứng dụng cần tập trung nguồn lực vào xây dựng mô hình và áp dụng quy trình; giảm bớt các thí nghiệm đánh giá yếu tố đơn lẻ mang tính chất nghiên cứu cơ bản của "đề tài".

- Hoàn thiện dự toán kinh phí thực hiện dự án, cắt giảm quy mô chi tiết các hạng mục để đảm bảo kinh phí đề nghị NSNN không vượt quá hạn mức đặt hàng.

THƯ KÝ KHOA HỌC

(Ký, ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Uduar', is written over a horizontal line.

KS. Vũ Duy An